TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 17 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 270/2026/HS-ST
Ngày 07-8-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 17 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Quyết

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Châu

Ông Võ Phi Anh Toàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hồng– Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:* Ông Hoàng Ngọc Ái - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 371/2026/TLST-HS ngày 27 tháng 7 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 314/2026/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 7 năm 2026 đối với bị cáo:

Trương Xuân P, sinh ngày 26/12/1988 tại Hưng Yên; Căn cước công dân số: 034088003652; thường trú: Tổ F, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Kinh doanh; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Xuân Ấ và bà Nguyễn Thị S; có vợ tên Trần Thị K, sinh năm 1990, có hai con, lớn sinh năm 2010, nhỏ sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không;

Ngày 01/10/2025 bị bắt theo biên bản bắt người có hành vi phạm tội quả tang, chuyển tạm giữ, tạm giam cho đến nay. Bị cáo hiện đang bị tạm giam tại Cơ sở giam giữ số 01 – Trại tạm giam Bố Lá, Công an Thành phố H. Có mặt tại phiên toà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Phạm Thị K1, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ F, khu phố T, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

2. Chị Trần Thị Thanh N, sinh năm 2003; địa chỉ: Khu phố B, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

3. Bà Lý Thị H, sinh năm 1983; địa chỉ: Tổ dân phố M, xã Y, tỉnh Bắc Giang. Vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm P, xã B, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

5. Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 2001; địa chỉ: Ấp B, xã T, tỉnh Cà Mau. Vắng mặt.

6. Ông Huỳnh Tấn V, sinh năm 1985; địa chỉ: Ấp N, xã T, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

7. Ông Đinh Hữu N1, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn T, xã Đ, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH N2 tại địa chỉ đường K, khu phố K, phường T, thành phố Hồ Chí Minh được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn M mã số doanh nghiệp: 3702888920 để kinh doanh cho khách thuê lưu trú do bà Phạm Thị K1 đứng tên đại diện theo pháp luật. Bị cáo Trương Xuân P là con rể của bà Phạm Thị K1. Sau khi Công ty TNHH N2 đi vào hoạt động, bà K1 giao cho bị cáo P trông coi, quản lý hoạt động kinh doanh.

Khoảng tháng 02/2025, trong quá trình bị cáo Trương Xuân P quản lý kinh doanh nhà nghỉ N2 thì có các đối tượng, gồm: Trần Thị Thanh N, Lý Thị H, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Phương T đến gặp bị cáo P thỏa thuận về việc N, H, B và T sẽ thuê phòng 201 và phòng 202 tại nhà nghỉ N2 với giá 1.500.000 đồng/phòng/tháng để sinh sống và hoạt động bán dâm. Hình thức N, H, B và T thông qua mạng xã hội để đăng tải thông tin trên trang mạng "Gái gú" kèm theo số điện thoại để khi khách nam có nhu cầu mua dâm sẽ trực tiếp liên hệ với đối tượng để thỏa thuận giá mua dâm. Sau khi khách thỏa thuận xong sẽ đến nhà nghỉ N2 gặp bị cáo P để lấy phòng nghỉ. Sau đó, bị cáo P sẽ thông báo để N, H, B và T đến bán dâm cho khách tại phòng nghỉ mà khách nam vừa thuê. Khi khách vào thuê phòng thì bị cáo P sẽ thông qua việc giám sát hệ thống Camera an ninh bên trong nhà nghỉ để xem ai sẽ vào phòng để tiếp khách, tiền khách nam thuê phòng thì khách sẽ trả tiền trực tiếp cho bị cáo P tại quầy lễ tân với mỗi lần số tiền là 100.000 đồng, còn khách mua dâm ở qua đêm thì với số tiền là 150.000 đồng.

Sau khi thống nhất thỏa thuận, N, H, B và T đã sinh sống tại phòng nghỉ do bị cáo quản lý từ khoảng tháng 02/2025 đến khi Công an kiểm tra bắt giữ vào ngày 30/9/2025. Trong khoảng thời gian này, N, H, B và T đã nhiều lần bán dâm cho khách nam cụ thể như sau:

- Trần Thị Thanh N đến nhà nghỉ N2 làm từ tháng 2/2025 đến 30/7/2025 và bán dâm cho khách nam mỗi lần số tiền 400.000 đồng/01 lần, qua đêm với số tiền 1.500.000 đồng/01 lần. N đã bán dâm được khoảng 90 lần thu lợi số tiền khoảng 36.000.000 đồng sử dụng để tiêu xài cá nhân.

- Nguyễn Thị B đã thuê phòng số 201 nhà nghỉ N2 từ tháng 7/2025 đến ngày bị bắt và bán dâm cho khách nam mỗi lần số tiền từ 250.000 đồng đến 300.000 đồng/01 lần, qua đêm với số tiền 1.000.000 đồng/01 lần. B đã bán dâm được khoảng 90 lần thu lợi số tiền khoảng 25.000.000 đồng sử dụng để tiêu xài cá nhân.

- Lý Thị H đã thuê phòng số 201 nhà nghỉ N2 từ đầu tháng 8/2025 đến ngày bị bắt và bán dâm cho khách nam mỗi lần số tiền từ 250.000 đồng đến 300.000 đồng/01 lần, qua đêm với số tiền 1.000.000 đồng/01 lần. Hiên đã bán dâm được khoảng 80 lần thu lợi số tiền khoảng 25.000.000 đồng để tiêu xài cho cá nhân.

- Nguyễn Thị Phương T thuê phòng số 202 nhà nghỉ N2 từ tháng 7/2025 đến ngày bị bắt và bán dâm cho khách nam mỗi lần số tiền 400.000 đồng/01 lần, qua đêm với số tiền 1.500.000 đồng/01 lần. Trúc đã bán dâm được khoảng 120 lần thu lợi số tiền khoảng 60.000.000 đồng sử dụng để tiêu xài cá nhân.

Tuy các đối tượng Trần Thị Thanh N, Nguyễn Thị B, Lý Thị H, Nguyễn Thị Phương T đã nhiều lần bán dâm tại nhà nghỉ N2 nhưng kết quả điều tra chỉ xác định các lần có thông tin người mua dâm cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: Vào khoảng 22 giờ ngày 15/8/2025, Đinh Hữu N1 lên trang mạng Gái gọi tìm gái để mua dâm thì tìm được số điện thoại và kết bạn Zalo tên "E Hiên" tên thật là Lý Thị H, cả hai thỏa thuận mua bán dâm với số tiền 300.000 đồng và hẹn địa điểm tại nhà nghỉ N2. Khi đi đến, N1 đến quầy lễ tân gặp Trương Xuân P hỏi thuê phòng thì được P cho thuê phòng số 101B. Sau đó, N1 đi lên phòng nghỉ số 101B rồi nhắn tin số phòng cho H, H đi từ phòng nghỉ số 201 đến phòng số 101B gặp N1 rồi cả hai tự cởi quần áo ra, H lấy bao cao su mà chủ nhà nghỉ đã chuẩn bị sẵn để trong phòng sử dụng cả hai quan hệ tình dục. Sau khi quan hệ tình dục xong thì N1 trả tiền mua dâm cho H với số tiền mặt là 300.000 đồng như thỏa thuận rồi N1 đi về, còn H thì quay về phòng nghỉ số 201 nghỉ ngơi.

Lần thứ hai: Vào khoảng 10 giờ ngày 30/9/2025, Huỳnh Tấn V lên trang mạng Gái gọi tìm gái để mua dâm thì tìm được số điện thoại liên lạc và kết bạn Zalo tên "Trúc" tên thật là Nguyễn Thị Phương T, cả hai thỏa thuận mua bán dâm với số tiền 400.000 đồng và hẹn địa điểm tại nhà nghỉ N2. Khi đi đến, V đến quầy lễ tân gặp bị cáo Trương Xuân P để thuê phòng thì được P cho thuê phòng số 101. Sau đó, V đi lên phòng nghỉ số 101 rồi nhắn tin số phòng cho T, T đi từ phòng nghỉ số 202 đến phòng số 101 gặp Vàng rồi cả hai tự cởi quần áo ra, T lấy bao cao su mà chủ nhà nghỉ đã chuẩn bị sẵn để trong phòng sử dụng cả hai quan hệ tình dục. Sau khi quan hệ tình dục xong, V trả tiền mua dâm cho T

với số tiền mặt là 400.000 đồng như thỏa thuận rồi đi về, còn T thì quay về phòng nghỉ số 202 nghỉ ngơi.

Lần thứ ba: Vào khoảng 22 giờ 45 phút ngày 30/9/2025, Đinh Hữu N1 nhắn tin qua Zalo cho H, cả hai thỏa thuận mua bán dâm với số tiền 300.000 đồng và hẹn địa điểm tại nhà nghỉ N2. Khi đi đến, N1 gặp bị cáo Trương Xuân P thuê phòng thì được P cho thuê phòng số 101B. Sau đó, N1 đi lên phòng nghỉ số 101B rồi nhắn tin số phòng cho H, H đi từ phòng nghỉ số 201 đến phòng số 101B gặp N1 rồi cả hai tự cởi quần áo ra, H lấy bao cao su mà chủ nhà nghỉ đã chuẩn bị sẵn để trong phòng sử dụng cả hai quan hệ tình dục. Sau khi quan hệ tình dục xong thì cả hai nằm nghỉ ngơi tại phòng số 101B thì lực lượng Công an phường T vào kiểm tra phát hiện bắt quả tang.

Công an phường T tiến hành lập hồ sơ và tiến hành thu giữ vật chứng liên quan đến vụ án gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max đã qua sử dụng của Nguyễn Thị Phương T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max đã qua sử dụng, 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su hiệu Doctor của Lý Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max đã qua sử dụng, số tiền 300.000 đồng của Đinh Hữu N1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max đã qua sử dụng của Nguyễn Thị B; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max đã qua sử dụng của Trần Thị Thanh N; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 9 đã qua sử dụng; 01 đầu thu Camera; số tiền 200.000 đồng của Trương Xuân P.

Sau đó, Công an phường T chuyển hồ sơ vật chứng cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố H thụ lý theo thẩm quyền. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Thành phố H trung cầu trích xuất dữ liệu đối với các điện thoại thu giữ trong vụ án.

Tại kết luận giám định số 2853/KL-KTHS(CH) ngày 30/01/2026 của Phòng K2 Công an thành phố H về dữ liệu điện tử kết luận:

1. Mẫu vật ký hiệu A1: Không tìm thấy dữ liệu tin nhắn trong ứng dụng tin nhắn và nhật ký cuộc gọi ngày 30/9/2025 của Đinh Hữu N1.

2. Mẫu vật ký hiệu A2 của Nguyễn Thị Phương T: Không trích xuất được dữ liệu (do mẫu vật gửi giám định đang ở chế độ khôi phục cài đặt gốc).

3. Mẫu vật ký hiệu A3 của Nguyễn Thị Phương T: Không trích xuất được dữ liệu (do thiết bị và phần mềm của cơ quan giám định không thực hiện được kết nối với mẫu vật giám định).

4. Mẫu vật ký hiệu A4 của Nguyễn Thị Phương T: 06 tin nhắn trong ứng dụng tin nhắn ngày 30/9/2025; 03 cuộc gọi ngày 30/9/2025.

5. Mẫu vật ký hiệu A5 của Nguyễn Thị B: Không trích xuất được dữ liệu (do không có mật khẩu đăng nhập thiết bị).

6. Mẫu vật ký hiệu A6 của Lý Thị H: 05 cuộc gọi ngày 30/9/2025; Không tìm thấy tin nhắn trong ứng dụng tin nhắn ngày 30/9/2025.

7. Mẫu vật ký hiệu A7 của Trần Thị Thanh N: Không trích xuất được dữ liệu (do mẫu vật gửi giám định đang ở chế độ khôi phục cài đặt gốc và bị khóa do chủ sở hữu).

8. Mẫu vật ký hiệu A8 của Trương Xuân P: 05 cuộc gọi ngày 30/9/2025; 04 tin nhắn trong ứng dung tin nhắn ngày 30/9/2025.

Tại kết luận giám định số 2851/KL-KTHS(CH) ngày 30/01/2026 của Phòng K2 Công an thành phố H về đầu Camera như sau: có lưu trữ 62 tập tin video ngày 30/9/2025.

Quá trình điều tra bị cáo Trương Xuân P khai nhận đã thu lợi được số tiền 38.000.000 đồng từ việc cho các đối tượng nêu trên thực hiện hành vi mua bán dâm tại nhà nghĩ N. Bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính.

Tại Cáo trạng số 147/CT-VKSHCM-KV ngày 27/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trương Xuân P về Tội chứa mại dâm theo điểm c, d khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự. Tại phiên toà trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c, d khoản 2 Điều 327, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trương Xuân P mức án từ 05 năm 06 tháng đến 06 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Buộc bị cáo nộp lại số tiền thu lợi từ việc cho thuê phòng theo tháng với số tiền 6.000.000 đồng và tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền bị cáo đã nộp lại 38.000.000 đồng và số tiền 200.000 đồng thu tại thời điểm bắt bị cáo.

Trả cho bà Phạm Thị K1 01 đâu thu camera

Xét 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su hiệu Doctor là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu huỷ.

Xét 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max đã qua sử dụng của Nguyễn Thị Phương T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max đã qua sử dụng của Lý Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max đã qua sử dụng của Đinh Hữu N1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max đã qua sử dụng của Nguyễn Thị B; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max đã qua sử dụng của Trần Thị Thanh N không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tuyên trả lại cho các đối tượng nêu trên.

Đối với bà Phạm Thị K1, quá trình điều tra xác định bà K1 giao cho bị cáo P quản lý mọi hoạt động của nhà nghỉ, việc bị cáo thoả thuận cho các đối tượng thực hiện hành vi bán dâm tại nhà nghỉ bà K1 không biết nên không đề nghị xử lý.

Đối với hành vi của các đối tượng Trần Thị Thanh N, Nguyễn Thị B, Lý Thị H, Nguyễn Thị Phương T, Đinh Hữu N1, Huỳnh Tấn V có hành vi mua, bán dâm Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý hành chính.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không trình bày ý kiến tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên, không trình bày lời bào chữa cho hành vi phạm tội, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo:

Bị cáo Trương Xuân P được bà Phạm Thị K1 giao quyền quản lý Công ty TNHH N2, địa chỉ tại đường K, khu phố K, phường T, thành phố Hồ Chí Minh. Vào khoảng tháng 02/2025, bị cáo Trương Xuân P đã thoả thuận cho Trần Thị Thanh N, Lý Thị H, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Phương T thuê phòng 201 và phòng 202 tại nhà nghỉ N2 với giá 1.500.000 đồng/phòng/tháng để sinh sống và hoạt động bán dâm nhiều lần, thu lợi bất chính số tiền 38.000.000 đồng đến ngày 30/9/2025 thì bị phát hiện bắt giữ.

Như vậy, Hành vi của bị cáo cho thuê địa điểm để 04 đối tượng thực hiện hành vi mua bán dâm nhiều lần đã đủ yếu tố cấu thành Tội chứa mại dâm với tình tiết định khung phạm tội 02 lần trở lên và chứa mại dâm 04 người trở lên theo quy định tại điểm c, d khoản 2 Điều 327 Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng số 147/CT-VKSHCM-KV ngày 27 tháng 7 năm 2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh và luận tội của Kiểm sát viên đề nghị đối với bị cáo là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng, gây nguy hiểm rất lớn cho xã hội, đã xâm phạm đến đạo đức, thuần phong mỹ tục, đời sống văn hoá, an toàn xã hội, là con đường lây truyền nhiều căn bệnh xã hội nguy hiểm, gây ảnh hưởng đến trật trự trị an tại địa phương. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức án tương xứng với tính chất mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng

nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo đã nộp lại số tiền thu lợi bất chính là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

Xét 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max đã qua sử dụng của Nguyễn Thị Phương T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max đã qua sử dụng của Lý Thị H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max đã qua sử dụng của Đinh Hữu N1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max đã qua sử dụng của Nguyễn Thị B; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max đã qua sử dụng của Trần Thị Thanh N không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần tuyên trả lại cho các đối tượng nêu trên.

Xét 01 đầu thu Camera là tài sản của bà Phạm Thị K1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bà K1.

Xét số tiền 200.000 đồng thu của bị cáo Trương Xuân P, đây là tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Xét số tiền 38.000.000 đồng bị cáo Trương Xuân P bị cáo khai nhận thu lợi từ việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Xét tại phiên toà bị cáo khai nhận thu lợi số tiền 6.000.000 đồng từ việc cho thuê hai phòng số 201 và 202 để các đối tượng hoạt động bán dâm nên cần buộc bị cáo nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

Xét 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su hiệu Doctor là công cụ phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu huỷ.

Đối với bà Phạm Thị K1, quá trình điều tra xác định bà K1 giao cho bị cáo P quản lý mọi hoạt động của nhà nghỉ, việc bị cáo thoả thuận cho các đối tượng thực hiện hành vi bán dâm tại nhà nghỉ bà K1 không biết nên Cơ quan cảnh sát điều tra không xử lý là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với hành vi của các đối tượng Trần Thị Thanh N, Nguyễn Thị B, Lý Thị H, Nguyễn Thị Phương T, Đinh Hữu N1, Huỳnh Tấn V có hành vi mua, bán dâm Cơ quan cảnh sát điều tra đã ra quyết định xử lý hành chính là phù hợp quy định pháp luật.

[8] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trương Xuân P phạm Tội chứa mại dâm.

Căn cứ điểm c, d khoản 2 Điều 327; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trương Xuân P 06 (S1) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 01/10/2025.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a, b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu huỷ 01 bao cao su đã qua sử dụng, 01 vỏ bao cao su hiệu Doctor;

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 38.000.000 đồng (Ba mươi tám triệu đồng) theo Giấy nộp tiền ngày 09/6/2026;

- Buộc bị cáo Trương Xuân P nộp lại số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) sung quỹ Nhà nước;

- Trả cho Nguyễn Thị Phương T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max đã qua sử dụng.

- Trả cho Lý Thị H 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS Max đã qua sử dụng;

- Trả cho Đinh Hữu N1 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max đã qua sử dụng;

- Trả cho Nguyễn Thị B 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max đã qua sử dụng;

- Trả cho Trần Thị Thanh N 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro Max đã qua sử dụng.

- Trả cho bà Phạm Thị K1 01 đầu thu Camera.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/6/2026 tại Phòng thi hành án dân sự khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh).

3. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Buộc bị cáo Trương Xuân P phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- THADS Thành phố Hồ Chí Minh;
- PV 06 - Công an Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 17 – Thành phố Hồ Chí Minh;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Ngọc Quyết